TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 626/2024/DS-PT
Ngày: 20 - 12 - 2024
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 và ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 412/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm: 1962; (Có mặt)

Địa chỉ: Số F Khu phố I, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm: 1996; (Có mặt)

Địa chỉ: Số D N, khu phố G, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Trọng K - Văn phòng luật sư Võ Trọng K, Đoàn luật sư thành phố H. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Thị Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Ngày 01/3/2022 đến ngày 22/8/2022 bà L có vay của bà M số tiền như sau: Ngày 01/3/2022 vay 400.000.000 đồng; Ngày 13/3/2022 vay 800.000.000 đồng; Ngày 23/3/2022 vay 650.000.000 đồng; Ngày 03/4/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 09/4/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 16/4/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 17/4/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 04/6/2022 vay số tiền 10.000 EURO; Ngày 23/6/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 23/6/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 26/6/2022 vay vay số tiền 2.000 EURO; Ngày 09/7/2022 vay 300.000.000 đồng; Ngày 27/7/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 02/8/2022 vay 150.000.000 đồng; Ngày 16/8/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 17/8/2022 vay 50.000.000 đồng; Ngày 18/8/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 19/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 20/8/2022 vay 450.000.000 đồng; Ngày 21/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 23/8/2022 vay 65.000.000 đồng; Ngày 24/8/2022 vay 50.000.000 đồng.

Tiền hụi bà L nợ bà M 03 dây 20.000.000 đồng là 840.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà Bùi Thị Trúc L trả 6.215.000.000 đồng và tiền lãi 6.215.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 15 tháng = 1.547.535.000 đồng. Tổng cộng là 7.762.535.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà: Bà M giữ nguyên yêu cầu đối với số tiền vay. Riêng số tiền hụi bà thay đổi yêu cầu từ 840.000.000 đồng thành 640.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Trúc L trình bày: Với yêu cầu của bà M thì bà L không đồng ý số tiền gốc và lãi. Bà L chỉ còn nợ bà M 1.800.000.000 đồng. Xin cho trả theo khả năng do hiện nay con còn nhỏ, đang mang thai không làm được việc gì nhiều. Các biên nhận bà M cung cấp là do bà L viết và ký tên nhưng các biên nhận có chữ trả góp và ngắn ngày là tôi đã trả nhưng không có gì chứng minh.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; 465; 466; khoản 2 Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phan Thị M về việc đòi bà Bùi Thị T L trả tiền vay và tiền hụi cụ thể như sau:

Bà Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M tiền hụi, tiền vay và tiền lãi tổng cộng là 6.266.268.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và 12.000 (Mười hai nghìn) EURO. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, bị đơn Bùi Thị Trúc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ G nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bà Bùi Thị Trúc L trả cho bà 7.762.535.000 đồng tiền nợ vay và lãi và 12.000 Euro.

- Người kháng cáo bà Bùi Thị Trúc L thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L phát biểu:

+ Giai đoạn phúc thẩm bà L có yêu cầu tòa án sao kê số tiền chuyển khoản trả cho bà M trong thời gian vay nợ tổng cộng là 528.300.000 đồng. Ngoài ra tại biên bản làm việc ngày 06/10/2023 bà L khai quá trình vay tiền bà có trả được cho bà M 200.000.000 đồng vốn gốc. Lời khai này được bà M Thừa nhận tại biên bản đối chất ngày 06/10/2023. Như vậy bà L đã trả được 728.300.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ theo quy định.

+ Cấp sơ thẩm xác định nợ hụi nhưng chưa làm rõ các dây hụi có bao nhiêu thành viên, bà L đã đóng hụi chết được bao nhiêu, hụi đã mãn hay chưa mà chỉ căn cứ vào biên nhận có nhận tiền hốt hụi để buộc bà L trả là chưa đảm bảo chính xác.

+ Về lãi suất, quá trình giải quyết các bên thống nhất vay có lãi nhưng hai bên đưa ra mức lãi suất khác nhau và trong các biên nhận nợ cũng không thể hiện mức lãi suất, do đó thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất nên phải áp dụng mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với lãi suất là 0,83% mới phù hợp.

+ Bà M yêu cầu bà L trả 7.762.535.000 đồng cả vốn và lãi. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận có 6.266.268.000 đồng nhưng lại quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các vấn đề trên sửa án sơ thẩm theo phân tích ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà L thay đổi kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm là nằm trong phạm vi kháng cáo nên chấp nhận. Nhận thấy

tại phiên tòa bà L cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh trong quá trình vay bà có chuyển khoản trả cho bà M 528.300.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 192/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn bà Phan Thị M yêu cầu Bà Bùi Thị Trúc L trả cho bà 7.762.535.000 đồng tiền nợ vay và lãi và 12.000 Euro nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phan Thị M với bị đơn Bà Bùi Thị Trúc L là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bà Bùi Thị Trúc L là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Trúc L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Các vấn đề chung:

- Quá trình giải quyết vụ án bà M cung cấp 30 tờ biên nhận bà L vay tiền. Tại biên bản hòa giải ngày 02/01/2024 của tòa án bà L thừa nhận "các biên nhận bà M cung cấp là do tôi viết, tôi ký…" (bút lục 73) nên các biên nhận này là chứng cứ xem xét yêu cầu của bà M.

- Các biên nhận bà M cung cấp đều thể hiện tiền mượn không có ghi mức lãi suất. Tuy nhiên quá trình giải quyết cả hai đều xác định là vay có đóng lãi. Phía bà M cho rằng lãi 1,66%. Chị L cho rằng lãi đến 10% nhưng cả hai bên đều không có chứng cứ chứng minh nên xác định lãi xuất để giải quyết vụ án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cụ thể mức lãi suất là 0,83%. Ý kiến luật sư về phần này là có căn cứ nên chấp nhận.

- Theo 26 biên nhận nợ vay cụ thể là: Ngày 01/3/2022 vay 400.000.000 đồng; Ngày 13/3/2022 vay 800.000.000 đồng; Ngày 23/3/2022 vay 650.000.000 đồng; Ngày 03/4/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 09/4/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 16/4/2022 vay 250.000.000 đồng; Ngày 17/5/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 04/6/2022 vay số tiền 10.000 EURO; Ngày 23/6/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 26/6/2022 vay số tiền 2.000 EURO; Ngày 09/7/2022 vay 300.000.000 đồng; Ngày 27/7/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 02/8/2022 vay 150.000.000 đồng; Ngày 16/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 17/8/2022

vay 50.000.000 đồng; Ngày 18/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 18/8/2022 vay 100.000.000 đồng Ngày 19/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 20/8/2022 vay 200.000.000 đồng; Ngày 21/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 22/8/2022 vay 150.000.000 đồng; Ngày 23/8/2022 vay 65.000.000 đồng; Ngày 23/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 23/8/2022 vay 100.000.000 đồng; Ngày 24/8/2022 vay 50.000.000 đồng. Ngày 24/8/2022 vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay theo biên nhận là 4.815.000.000 đồng và 12.000 Euro.

- Theo 04 biên nhận nợ hụi cụ thể là: Ngày 28/5/2022 nhận 218.000.000 đồng; Ngày 09/6/2022 nhận hụi 218.000.000 đồng; Ngày 20/6/2022 nhận hụi 218.000.000 đồng; Ngày 30/6/2022 nhận hụi 214.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi theo biên nhận là 868.000.000 đồng. (30 biên nhận có bút lục 36 – 65).

- Tại phiên tòa bà L trình bày quá trình vay mượn nợ bà có chuyển khoản trả tiền cho bà M nhiều lần và yêu cầu trích lục chứng cứ tại Ngân hàng. Theo cung cấp của ngân hàng N1 chi nhánh thành phố G thì từ ngày 13/4/2022 đến ngày 06/9/2022 bà L đã chuyển khoản cho bà M tổng cộng là 528.300.000 đồng. Ngoài ra bà L xác định còn nhờ người khác trả tiền mặt cho bà M nhưng bà M không thừa nhận và bà L xác định không có chứng cứ chứng minh nên xác định ngoài số tiền trên bà L không còn trả cho bà M khoản tiền nào khác. Tại biên bản làm việc ngày 06/10/2023 (bút lục 153) bà L khai quá trình vay tiền bà đã có trả được cho bà M 200.000.000 đồng vốn gốc. Lời khai này được bà M Thừa nhận tại biên bản đối chất ngày 06/10/2023 (bút lục 158). Như vậy số tiền còn lại được xác định là tiền lãi bà L đã góp cho bà M được là 328.300.000 đồng (528.300.000 đồng – 200.000.000 đồng).

[4.2] Xét các yêu cầu đòi nợ vay và hụi của bà M:

- Xét 04 biên nhận hụi: Theo bà M khai 02 biên nhận hụi khui 30/6/2022 âm lịch và 20/6/2022 âm lịch có một biên nhận có sửa ngày nên chỉ tính là một biên nhận ngày 30/6/2022 không có tẩy sửa số tiền là 214.000.000 đồng. 02 dây hụi còn lại mỗi dây 218.000.000 đồng nên cả 03 dây hụi này có tổng số tiền là 650.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà bà M chỉ yêu cầu tiền hụi là 640.000.000 đồng. Bà Trúc L khai tại biên bản đối chất ngày 06/10/2023 (Bút lục 158) do Điều tra viên Nguyễn Tấn T1 thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T lập là "…về tiền hụi thì tôi có nhờ bà M đăng ký chơi hụi dùm tôi dây hụi 20.000.000 đồng nhưng tôi không nhớ là mấy dây, do đó tôi không xác định được là tôi thiếu bao nhiêu tiền hụi…". Bà M đã cung cấp giấy xác nhận của ông Nguyễn Đình N, địa chỉ khu phố C, phường C thành phố G, tỉnh Tiền Giang với nội dung là có giao cho bà M 214.000.000 đồng tiền hụi, dây hụi 20.000.000 đồng ngày 30/6/2022. Bà Trần Thị T2, địa chỉ khu phố A, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang xác nhận với nội dung là ngày 9/6/2022 bà M có chơi hụi 20.000.000 đồng và ngày 28/5/2022 một dây 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 436.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định số tiền hụi bà M chơi dùm bà L là 03 dây 20.000.000 đồng với tổng số tiền 650.000.000 đồng. Tuy nhiên bà M chỉ yêu cầu bà L trả tiền hụi 640.000.000 đồng là thấp hơn nên có cơ sở chấp nhận. Về ý kiến luật sư cho rằng chưa làm rõ việc đóng hụi chết

của bà L là bao nhiêu là không cần thiết vì quá trình giải quyết bà L không thừa nhận có việc chơi hụi nên không có chuyện đóng hụi chết. Mặt khác bà M chỉ căn cứ biên nhận thể hiện bà L có nhận tiền hụi của bà và nay bà chỉ đòi bà L trả lại số tiền đã nhận mà không có tranh chấp khác là phù hợp. Ý kiến luật sư về phần này không được chấp nhận.

- Xét 26 biên nhận vay: Bà L thừa nhận tất cả các biên nhận bà M cung cấp cho Toà án do bà L viết và ký tên. Bà L cho rằng các biên nhận có chữ trả góp, ngắn ngày bà L đã trả tiền cho bà M xong hiện bà chỉ còn nợ bà M 1.800.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L là không có cơ sở. Bởi lẽ, bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là đã trả tiền cho bà M chỉ còn lại số nợ là 1.800.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 02/01/2024 bà L xin thời gian 15 ngày để bà L cung cấp tài liệu chứng minh số nợ chỉ còn lại 1.800.000.000 đồng nhưng từ đó đến nay bà L vẫn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đến Toà án để đối chất với bà M. Do đó lời khai bà L không có cơ sở nên bác. Theo bản án sơ thẩm trong tổng số 26 biên nhận vay do nguyên đơn cung cấp có 07 biên nhận có tẩy xoá ở gốc trái biên nhận nên không được chấp nhận cụ thể gồm: ngày 16/8/2022 là 100.000.000 đồng; ngày 17/8/2022 là 50.000.000 đồng; ngày 19/8/2022 là 100.000.000 đồng; ngày 20/8/2022 là 200.000.000 đồng; ngày 23/8/2022 là 65.000.000 đồng; ngày 22/8/20222 là 150.000.000 đồng; ngày 24/8/20222 là 100.000.000 đồng và biên nhận ngày 16/4/2022 gốc lãi bà M ghi: "Trúc Lan lấy thêm 30Tr = 250Tr" không được chấp nhận số tiền 250.000.000 đồng mà chỉ chấp nhận số tiền 150.000.000 đồng (Bút lục 53) nên tổng cộng số tiền không được tòa chấp nhận là 865.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn cũng đồng ý và không kháng cáo phần bị bác này. Do đó số tiền vay được chấp nhận tổng cộng là 3.950.000.000 đồng (4.815.000.000 đồng - 865.000.000 đồng) và 12.000 Euro. Ngoài ra tại biên bản làm việc ngày 06/10/2023 (bút lục 153) bà L khai quá trình vay tiền bà có trả được cho bà M 200.000.000 đồng vốn gốc. Lời khai này được bà M Thừa nhận tại biên bản đối chất ngày 06/10/2023 (bút lục 158). Do đó số tiền vay bà L còn phải trả cho bà M là 3.750.000.000 đồng (3.950.000.000 đồng – 200.000.000 đồng) và 12.000 Euro.

* Như vậy số tiền được chấp nhận cả vay và biên nhận có nguồn gốc hụi tổng cộng là 4.390.000.000 đồng (3.750.000.000 đồng + 640.000.000 đồng) và 12.000 Euro.

[4.3] Xét tiền lãi:

- Đối với giao dịch vay nợ 12.000 Euro là vi phạm điều cấm nên vô hiệu các bên chỉ có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận không có tính lãi.

- Đối với số tiền còn nợ bà M yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2022 đến khi xét xử tháng 11/2024 là 26 tháng nên số lãi là 947.362.000 đồng (4.390.000.000 đồng X 0,83% X 26 tháng). Do bà L đã đóng lãi được 328.300.000 đồng nên còn phải trả tiền lãi là 619.062.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi bà L còn phải trả cho bà M là 5.009.062.000 đồng.

Từ các căn cứ trên nhận thấy kháng cáo của bà L là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: bà L không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Phan Thị M được miễn án phí sơ thẩm cho phần yêu cầu không được chấp nhận do là người cao tuổi theo quy định. (Lấy tỷ giá thời điểm xét xử sơ thẩm 01 Euro bằng 25.300 đồng /1 EURO làm căn cứ tính án phí cho bà L).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Bùi Thị Trúc L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 192/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Buộc bà Bùi Thị Trúc L trả cho bà Phan Thị M số tiền còn nợ cả vốn và lãi tổng cộng là 5.009.062.000 đồng và 12.000 Euro được quy ra thành tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm thi hành án. Thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Bà L không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000908 ngày 18/7/2024 của Chi cục thi hành án thành phố G.

- Bà L phải chịu 113.312.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà M được miễn án phí dân sự phần bị bác vì là người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố G;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân